

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẾN TRE
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **67/2020/DS-ST**

Ngày: 24/12/2020

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE - TỈNH BẾN TRE**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Lan

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Hưng

2. Ông Trần Văn Hồ

Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Đình Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

Ngày 24 tháng 12 năm 2020 tại phòng xét xử Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số: 244/2020/TLST-DS ngày 09 tháng 11 năm 2020 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 136/2020/QĐST- DS ngày 03/12/2020. Giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phạm Thị Y, sinh năm 1956

Trú tại: khu phố 4, phường P, thành phố B, tỉnh T.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1994 (có mặt)

Địa chỉ: xã M, huyện T, tỉnh B.

Bị đơn: Bà Trương Thị Đ, sinh năm 1976

Trú tại: ấp 3, xã S, thành phố B, tỉnh T.

Người đại diện theo ủy quyền: bà Đinh Thị Bé M, sinh năm 1972 (có mặt)

Địa chỉ: phường P, thành phố B. tỉnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 30/10/2020 bản tự khai nguyên đơn ủy quyền ông Nguyễn Văn Đ trình bày:

Vào khoảng tháng 8/2020 do quen biết trong làm ăn với nhau, bà Phạm Thị Y có cho bà Trương Thị Đ mượn số tiền 80.000.000 đồng, hai bên có viết giấy tay biên nhận, nhận tiền nhưng từ khi mượn tiền đến nay bà Đ không hoàn lại số tiền trên cho bà Y.

Bà Y yêu cầu, bà Đ phải hoàn lại cho bà Y số tiền 80.000.000đồng. không yêu cầu tính lãi.

Bà Y không biết bà Đ có chồng con hay không nên không yêu cầu trách nhiệm liên đới vợ chồng.

Ngoài ra bà Y không yêu cầu gì thêm.

Bị đơn bà Trương Thị Đ ủy quyền bà Đinh Thị Bé M trình bày:

Bà Đ thừa nhận bà có mượn bà Phạm Thị Y số tiền 80.000.000đồng để làm ăn nuôi gà vịt nhưng do làm ăn thua lỗ gà bán không được nên bà mất khả năng chi trả.

Bà Đ không đồng ý với lời trình bày của bà Y là cho mượn tiền vì tuy giấy tờ ghi là mượn tiền nhưng trên thực tế là vay và bà Đ có trả lãi 2 tháng mỗi tháng 5.000.000đồng, không có chứng cứ nhưng do bà làm ăn thua lỗ nên hiện tại không có khả năng trả cho bà Y. Bà đồng ý trả số tiền 80.000.000đồng cho bà Y. Bà Đ yêu cầu được trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng/1 tháng vì bà không có khả năng là một lần vì hiện tại hoàn cảnh kinh tế rất khó khăn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về quan hệ tranh chấp:* Theo nội dung đơn khởi kiện vào năm 2020 bà Phạm Thị Y có cho bà Trương Thị Đ mượn số tiền là 80.000.000đồng, hai bên có viết biên nhận mượn tiền. Nhưng đến thời hạn trả nợ bà Đ không thực hiện đúng thỏa thuận là có nghĩa vụ hoàn lại cho bà Y số tiền trên, bà Y khởi kiện yêu cầu bà Đ phải hoàn trả số tiền đã mượn, yêu cầu của bà Y là tranh chấp hợp đồng vay tài sản được xem xét theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015.

[2] Xét yêu cầu của bà Phạm Thị Y về việc yêu cầu bà Đ trả số tiền vay 80.000.000đồng chứng cứ bà Y yêu cầu bà Đ trả tiền là giấy biên nhận ngày 22/8/2020 có nội dung bà Đ mượn tiền của bà Y

Xét về hình thức tờ “Giấy mượn tiền” bà Y khai là do các bên cùng thỏa thuận đánh máy ra và ký tên, thời điểm viết là khi bà Đ nhận tiền của bà Y, Hội đồng xét thấy, về hình thức giao dịch của hai bên là phù hợp với Điều 119 Bộ luật dân sự 2015.

Về nội dung, theo lời khai của bà Y và nội dung trong tờ “Giấy mượn tiền” thể hiện bà Đ có mượn số tiền của bà Y 80.000.000đồng, lời khai của bà Y phù hợp với nội dung tờ “Giấy mượn tiền” và các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, không trái với Điều 117 Bộ luật dân sự 2015, Hội đồng xét xử có cơ sở khẳng định giao dịch giữa bà Y và bà Đ, là có thật.

Xét thấy số tiền 80.000.000 mà bà Đ đã ghi trong tờ “Giấy mượn tiền” được hai bên thỏa thuận giao kết vào các ngày 22/8/2020 là phù hợp với qui định tại khoản 2 Điều 3 Bộ luật Dân sự năm 2015, cũng phù hợp với lời thừa nhận của bà Trương Thị Đ là có mượn của bà Y số tiền trên nên có cơ sở chấp nhận yêu cầu của bà Phạm Thị Y.

Hội đồng xét xử xét thấy, bà Trương Thị Đ còn nợ bà Phạm Thị Y số tiền 80.000.000 theo tờ “Giấy mượn tiền” thì phải có nghĩa vụ thanh toán nợ theo quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015.

Bà Y không yêu cầu tính lãi suất số tiền đã vay của bà Đ và phần lãi suất do chậm thực hiện nghĩa vụ trả nợ nên Hội đồng xét xử không xét đến phần lãi suất theo

qui định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015. Ý chí của bà Y là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với qui định nên được ghi nhận.

Tại đơn khởi kiện và bản tự khai bà Y có trình bày nội dung không yêu cầu chồng bà Trương Thị Đ phải có trách nhiệm liên đới nghĩa vụ trả số nợ trên cho bà vì đây là giao dịch cá nhân của bà Y và bà Đ. Hội đồng xét xử xét thấy, đây là ý chí tự nguyện của bà Y và không trái với qui định của pháp luật nên Hội đồng xét xử không xét đến trách nhiệm liên đới đối với vợ, chồng theo quy định tại Điều 27 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Xét lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của bà Trương Thị Đ cho nại rằng tuy nội dung tờ giấy mượn tiền ghi không tính lãi nhưng thực tế là hợp đồng vay, trong hai tháng đầu sau khi vay tiền bà Đ có trả lại cho bà Y được hai tháng mỗi tháng là 5.000.000 đồng, mỗi lần trả lãi bà Đ chỉ đưa tiền không có ghi lại giấy tờ gì. Hội đồng xét thấy, bị đơn đã trình bày nhưng bà không cung cấp được chứng cứ để chứng minh cho lời trình bày của bà, Hội đồng xét xử không có căn cứ để xem xét.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm:

Do yêu cầu được chấp nhận bà Phạm Thị Y không phải chịu án phí.

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bà Trương Thị Đ phải chịu án phí số tiền là 4.000.000 đồng (*bốn triệu đồng*).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 4, 117, 119, 463, 466, Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Cụ thể tuyên:

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Phạm Thị Y .

Buộc bà Trương Thị Đ phải có trách nhiệm trả cho bà bà Phạm Thị Y số tiền là 80.000.000 đồng (*tám mươi triệu đồng*).

Ghi nhận bà Phạm Thị Y không yêu cầu tính lãi số tiền trên kể từ thời điểm đến hạn trả nợ cho đến ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Án phí Dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Buộc bà Trương Thị Đ phải nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch số tiền án phí phải nộp là 4.000.000 đồng (*bốn triệu đồng*).

3. Về quyền kháng cáo : Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền

thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo qui định tại Điều 30 luật thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP Bến Tre;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS TP Bến Tre;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Thanh Lan